

UNIT 8:

ENGLISH SPEAKING COUNTRIES

GETTING STARTED

I/ NEW WORDS:

- iconic	(adj) : hình tượng
- spectacle	(n) : quang cảnh
- icon	(n): biểu tượng
- koala	(n) : gấu túi
- loch	(n) : hồ
- cattle station	(n) : trại gia súc
- employee	(n) : người làm,
- adoptee	(n) : con nuôi
- addressee	(n) : người nhận
- interviewee	(n) : người được phỏng vấn
- trainee	(n) : người học nghề
- refugee	(n) : người tị nạn
- guarantee	(n) : sự bảo hành
- printer	(n) : máy in, thợ in

